



THỰC TRẠNG VÀ VAI TRÒ CỦA TỔ HỢP TÁC TRONG BỐI CẢNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI THỪA THIÊN HUẾ

Trương Quang Hoàng^{1, 2*}, Hoàng Gia Hùng¹, Võ Chí Tiến²

¹ Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế, Việt Nam

² Trung tâm Phát triển Nông thôn miền Trung, 102 Phùng Hưng, Huế, Việt Nam

Tóm tắt: Tổ hợp tác (THT) là tổ chức thuộc loại hình kinh tế tập thể đang được khuyến khích phát triển tại các nước đang phát triển. Ở Việt Nam, tổ hợp tác sản xuất ra đời từ những năm 1960 và có những vai trò nhất định trong sản xuất nông nghiệp. Hơn nữa, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả được xem là một trong các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, hiện tại có rất ít nghiên cứu khoa học đánh giá vai trò của các THT tại Việt Nam. Nghiên cứu này được thiết kế để đánh giá thực trạng và vai trò của THT trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới tại nước ta. Thông tin về thực trạng và vai trò của THT trong phát triển nông thôn mới được thu thập và phân tích. Nghiên cứu khảo sát 112 thành viên THT và phỏng vấn 13 lãnh đạo xã và 24 tổ trưởng THT. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 loại hình THT khác nhau đang hoạt động với quy mô và số lượng thành viên rất khác nhau gồm: (1) THT trồng trọt; (2) THT chăn nuôi/nuôi ong; (3) THT chế biến/dịch vụ; (4) THT đánh bắt/nuôi trồng thủy sản; (5) THT lâm nghiệp. Tổ hợp tác có ba vai trò chính gồm: (1) cung cấp dịch vụ đầu vào; (2) tổ chức và liên kết sản xuất; (3) cung cấp dịch vụ đầu ra. Đây là các vai trò rất quan trọng đối với phát triển nông nghiệp, đặc biệt đối với chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Từ khóa: THT, vai trò, nông thôn mới, Thừa Thiên Huế

1 Đặt vấn đề

Tổ hợp tác (THT) là tổ chức có từ hai cá nhân trở lên cùng tự nguyện thành lập. Theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP về Tổ hợp tác, tổ hợp tác không có tư cách pháp nhân và hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác của các thành viên và có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã sở tại. Tổ hợp tác là tổ chức thuộc loại hình kinh tế tập thể đang được khuyến khích phát triển tại các nước đang phát triển. Có nhiều mô hình THT đã thành công và đã góp phần nâng cao thu nhập cho nhiều cộng đồng nông thôn tại nhiều vùng khác nhau [2, 3]. Ở Việt Nam, tổ hợp tác sản xuất ra đời từ những năm 1960 và có những vai trò nhất định trong sản xuất nông nghiệp. Hơn nữa, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả được xem là một trong các tiêu chí xây dựng nông thôn mới (Tiêu chí 13). Theo Đào Thế Tuấn, tổ hợp tác tại Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hỗ trợ sản xuất nông nghiệp cho người sản xuất bao gồm: (1) nâng cao trình độ và áp dụng các kỹ thuật mới vào sản xuất; (2) phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tốt các hoạt động tổ chức

* Liên hệ: truongquanghoang@huaf.edu.vn

sản xuất; (3) triển khai công tác phân vùng sản xuất, đầu tư sản xuất theo hướng thâm canh, chuyên canh cao và kết nối thị trường [4]. Đây là những hoạt động hỗ trợ cần thiết để giúp những người sản xuất quy mô nhỏ có thể tiếp cận được thị trường tốt hơn và tham gia tích cực vào quá trình phát triển [5]. Đây cũng là trọng tâm của nông nghiệp Việt Nam trong quá trình tái cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu [6]. Tuy nhiên, hiện tại thực trạng và vai trò thực chất của THT trong sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam đặc biệt là ở miền Trung chưa được nghiên cứu và đánh giá một cách đầy đủ và khoa học.

Tổ chức sản xuất theo loại hình kinh tế hợp tác, chẳng hạn như xây dựng và phát triển các THT và hợp tác xã là một tiêu chí quan trọng của Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới [7]. Nhiều loại hình THT và nhóm sở thích đã và đang được thành lập cũng như đang được khuyến khích và hỗ trợ để phát triển trong chương trình xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh của cả nước. Một số thành công mà các THT đóng góp trong xây dựng nông thôn mới đã được ghi nhận [8], trong khi đó quá trình phát triển THT tại nhiều địa phương cũng còn gặp khó khăn. Do vậy, đánh giá thực trạng và vai trò của THT trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới làm căn cứ khoa học quan trọng để đề ra các chính sách phù hợp nhằm tăng cường sự hỗ trợ sản xuất cho nông dân, đồng thời thúc đẩy quá trình xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam là một nhu cầu cấp thiết. Nghiên cứu này nhằm xác định và mô tả đặc điểm kinh tế xã hội của THT và xác định và đánh giá vai trò của THT trong xây dựng nông thôn mới.

2 Phương pháp

Nghiên cứu này áp dụng kiểu thiết kế hỗn hợp (mixed methods) [9]. Thông tin định lượng về thực trạng và vai trò của THT được thu thập thông qua phiếu khảo sát thành viên THT. Phiếu khảo sát được thiết kế sẵn. Quan điểm của các thành viên về hiệu quả của các vai trò của THT đối với thành viên THT được đánh giá trên thang điểm từ 1 đến 5; tương ứng: 1 = kém; 2 = tạm; 3 = trung bình, 4 = khá; 5 = tốt. Phiếu phỏng vấn bán cấu trúc được thiết kế để phỏng vấn người am hiểu về thực trạng và vai trò của THT. Phỏng vấn người am hiểu gồm lãnh đạo địa phương và tổ trưởng các THT. Nghiên cứu cũng đồng thời thu thập và đánh giá các tài liệu liên quan.

Mẫu khảo sát thành viên THT được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống [10] và được chọn từ tất cả các thành viên THT theo danh sách thành viên THT. Theo đó, dung lượng mẫu cho nghiên cứu này là 112 người được chọn ra từ tổng số 3115 thành viên THT tại địa bàn nghiên cứu. Cụ thể như sau: Bước 1, lập danh sách tên các thành viên của các THT và danh sách này được xây dựng theo trật tự vần của tên thành viên. Danh sách có tổng cộng 3115 người. Bước 2, xác định hệ số chọn ngẫu nhiên k . Hệ số k là 27 ($k = N/n = 3115/112 = 27$). Bước 3, chọn một thành viên bất kỳ trong số 1 đến 27 thành viên đầu tiên trong danh sách. Bước 4, tiếp tục chọn thành viên tiếp theo theo trình tự cứ cách 27 người trong danh sách tính từ thành viên được chọn ban đầu thì chọn một người. Quá trình chọn tiếp tục cho đến khi được 112 thành viên.

Mẫu phỏng vấn người am hiểu (là lãnh đạo địa phương và tổ trưởng THT) được chọn theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích [11]. Người am hiểu thông tin được chọn dựa trên các căn cứ: (1) kiến thức và hiểu biết của họ về kinh tế hợp tác và THT tại địa bàn nghiên cứu; (2) vai trò và vị trí của họ trong cộng đồng về các loại hình kinh tế hợp tác tại địa bàn nghiên cứu được sự thừa nhận bởi các người am hiểu thông tin khác. Nghiên cứu đã chọn và khảo sát 24 THT tại 3 huyện Nam Đông, Phong Điền và Phú Vang, đại diện cho 3 vùng sinh thái đồi núi, trung du và đồng bằng ven biển. Tổng cộng nghiên cứu đã khảo sát 112 thành viên THT, phỏng vấn 13 lãnh đạo xã (có tất cả 13 xã có các THT) và phỏng vấn 24 tổ trưởng THT (có 24 THT trên 13 xã). Số liệu định lượng được phân tích trên phần mềm SPSS. Các tham số thống kê mô tả bao gồm giá trị trung bình và độ lệch chuẩn được sử dụng để mô tả thực trạng vai trò của các THT. Giá trị trung bình và độ lệch chuẩn được tính trên tổng số mẫu khảo sát của nghiên cứu này. Số liệu định tính được mã hóa và phân tích trên phần mềm Nvivo.

3 Kết quả

3.1 Tình hình chung về tổ hợp tác ở Thừa Thiên Huế

Tổ hợp tác đầu tiên tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được thành lập vào năm 1975 dưới tên gọi là Đội tổng hợp và trực tiếp hỗ trợ cho chính quyền trong việc điều hành và phát triển sản xuất trồng lúa. Qua thời gian, nhiều đội tổng hợp không còn hoạt động. Từ năm 2012, do yêu cầu của thực tiễn, luật hợp tác xã mới ra đời với nhiệm vụ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Với sự ra đời của luật hợp tác xã mới, tỉnh Thừa Thiên Huế đã chú trọng và thúc đẩy việc hình thành các THT. Nhiều THT đã ra đời để đạt tiêu chí 13 trong bộ tiêu chí nông thôn mới. Phần lớn các THT tại tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay hình thành dưới 2 hình thức: 1) chuyển đổi từ các đội sản xuất độc lập sang các THT; 2) được thành lập dưới sự hỗ trợ của các chương trình và dự án hoạt động trên địa bàn tỉnh. Hầu hết các THT chuyển đổi từ các đội sản xuất là các THT trồng trọt, trong khi đó các tổ hợp tác được thành lập với sự hỗ trợ của các dự án phần lớn là đánh bắt nuôi trồng thủy sản và quản lý và bảo vệ rừng. Số liệu thống kê từ Chi cục Phát triển nông thôn và kết quả khảo sát trong nghiên cứu này cho thấy toàn tỉnh có 112 THT. Trong đó, trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2017, 44 THT sản xuất nông nghiệp được thành lập mới hoặc được chuyển đổi từ các đội sản xuất đang hoạt động để phục vụ cho chương trình xây dựng nông thôn mới. Năm loại hình THT chính đang hoạt động gồm: (1) THT trồng trọt; (2) THT chăn nuôi/nuôi ong; (3) THT chế biến/dịch vụ; (4) THT đánh bắt/nuôi trồng thủy sản; (5) THT lâm nghiệp. Nhìn chung, loại hình THT trồng trọt là phổ biến nhất với 10 THT. Kế tiếp là các loại hình THT lâm nghiệp, THT đánh bắt/nuôi trồng thủy sản và THT chế biến/dịch vụ với số lượng tương ứng là 5 THT, 4 THT và 3 THT. Chỉ có 2 THT chăn nuôi/nuôi ong đang hoạt động trên địa bàn nghiên cứu.

3.2 Một số đặc điểm cơ bản của THT

Số lượng thành viên của THT

Bảng 1 mô tả số lượng thành viên của các THT. Nhìn chung, số lượng thành viên trung bình tham gia một THT khoảng 130 người. Tuy nhiên, số lượng thành viên trung bình giữa các loại hình THT khác nhau rất lớn. Đối với THT trồng trọt, trung bình có khoảng 204 thành viên. Con số này đối với THT chế biến/dịch vụ và THT đánh bắt/nuôi trồng thủy sản tương ứng là 126 và 108 thành viên. Ngược lại, chỉ có 48 thành viên/THT lâm nghiệp và 8 thành viên/THT chăn nuôi/nuôi ong. Như vậy, có thể thấy rằng có một số loại hình THT thu hút nhiều thành viên tham gia, trong khi đó cũng có những loại hình THT dường như không thu hút được sự tham gia đông đảo của người dân.

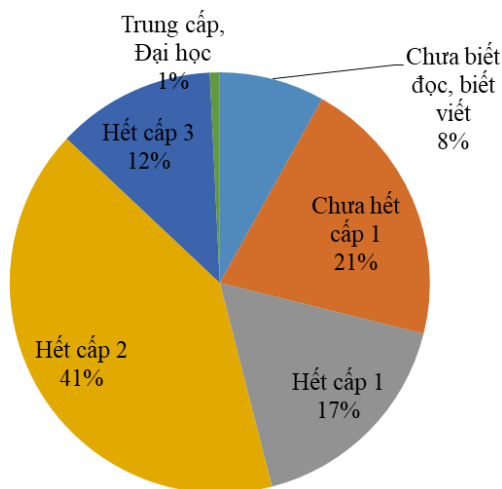
Trình độ học vấn của các thành viên THT

Trình độ học vấn của thành viên THT có ảnh hưởng lớn đến khả năng tiếp thu các thông tin về khoa học kỹ thuật, thị trường, lập kế hoạch và chiến lược sản xuất kinh doanh của THT. Biểu đồ 1 mô tả trình độ học vấn của các thành viên trong các loại hình THT. Một cách tổng quát, phần lớn thành viên tham gia THT đều có trình độ cấp 2, chiếm 41%. Số lượng thành viên THT chưa hoàn thành cấp 1 và đã hoàn thành cấp 1 tương ứng chiếm 21 và 17%. 12% số thành viên THT đã hoàn thành chương trình cấp 3. Tuy nhiên, chỉ 1% số thành viên THT có trình độ trung cấp hoặc đại học. Đặc biệt 8% số thành viên THT chưa biết đọc và biết viết. Kết quả này cho thấy rằng có một sự chênh lệch đáng kể về trình độ học vấn giữa các thành viên trong THT và giữa các loại hình THT khác nhau.

Bảng 1. Số lượng thành viên của các THT

STT	Loại hình THT	Số THT	Số thành viên trung bình
1	Trồng trọt	10	204
2	Chăn nuôi, nuôi ong	2	8
3	Chế biến, dịch vụ	3	126
4	Đánh bắt, nuôi trồng thủy sản	4	108
5	Lâm nghiệp	5	48
6	Tổng cộng	24	129

Nguồn: Chi cục phát triển nông thôn [1]



Biểu đồ 1. Trình độ học vấn của các thành viên THT

Nguồn: Khảo sát năm 2018

Tài sản của các THT

Tài sản chung của THT là một trong những chỉ tiêu quan trọng, đánh giá năng lực sản xuất kinh doanh, sự gắn kết giữa các thành viên cũng như sự phát triển của các THT. Các loại hình THT đều có bốn loại tài sản (Bảng 2). Các tài sản này có nguồn gốc khác nhau. Trong khi tài sản thiết bị/công cụ và vốn xuất phát từ nhiều nguồn bao gồm: (1) tự góp tài sản chung; (2) nhà nước hỗ trợ; (3) tài trợ của dự án; (4) mượn/vay thì tài sản nhà xưởng có nguồn gốc từ ba nguồn đầu tiên. Ngược lại, tài sản đất của các loại hình THT chỉ có nguồn gốc từ sự tự góp của các thành viên của THT. Vốn là một trong những loại tài sản quan trọng đối với tất cả các loại hình THT.

Bảng 2. Tài sản của các THT

Đơn vị tính: triệu đồng

Loại tài sản	Tự góp tài sản chung	Nhà nước hỗ trợ	Tài trợ của dự án	Mượn, vay
Đất	50,0	0,0	0,0	0,0
Nhà xưởng	10,0	22,5	50,0	0,0
Thiết bị, công cụ	41,1	31,7	17,8	30,0
Vốn	151,0	150,0	44,8	100,0

Nguồn: Khảo sát năm 2018

3.3 Vai trò của các tổ hợp tác

Cung cấp dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp

Biểu đồ 2 mô tả vai trò cung cấp đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp của THT tại địa bàn nghiên cứu. Nhìn chung, THT đang có bốn vai trò chính gồm:

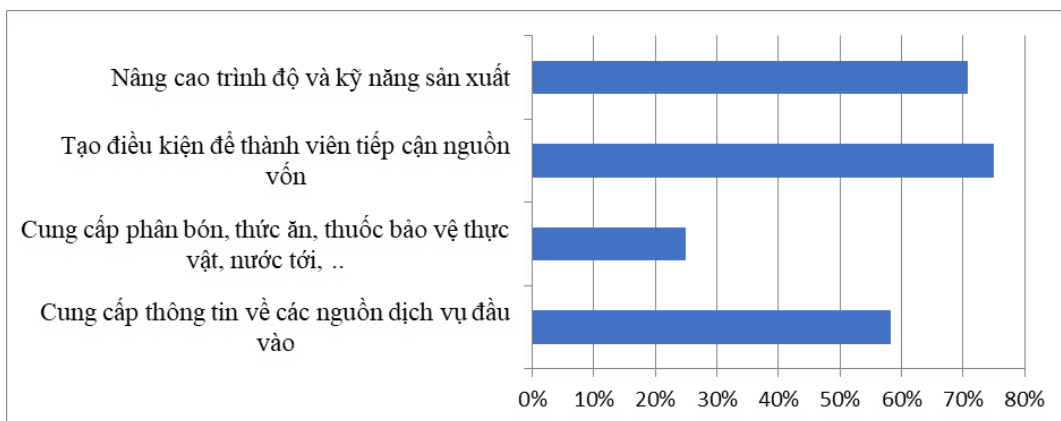
1) *Cung cấp thông tin về các nguồn dịch vụ đầu vào.* Các thông tin THT cung cấp cho thành viên chủ yếu là tên các đơn vị cung cấp các loại vật tư nông nghiệp như: thuốc trừ sâu, phân bón, hạt giống, giống cây và thức ăn gia súc để các thành viên tự quyết định mua cho mục đích sản xuất của mình. Trước khi cung cấp thông tin cho các thành viên, THT thường thu thập thông tin và khảo sát về chất lượng vật tư và giá cả của các công ty và đại lý nhằm chọn được những đơn vị có uy tín nhất trong khu vực.

2) *Cung cấp giống và vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp* gồm: giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi và thuốc bảo vệ thực vật. Nghiên cứu cho thấy đầu vụ hoặc tại mỗi thời điểm sinh trưởng của cây trồng và vật nuôi, THT tổ chức họp để xác định các vật tư nông nghiệp có chất lượng và phù hợp với điều kiện của địa phương. Trên cơ sở đó, THT thông báo và lập danh sách các thành viên đăng ký. Dựa trên danh sách này, THT hợp đồng với các công ty và đại lý cấp 1 để cung cấp lại cho các thành viên. Bên cạnh đó, cũng có một số vật tư được các THT dự trữ từ đầu vụ để kịp thời cung ứng cho thành viên như giống cây trồng và phân bón.

3) *Tạo điều kiện để thành viên tiếp cận các nguồn vốn.* Thành viên của các THT được nhận nguồn tài trợ từ các dự án. Một số THT được các dự án hỗ trợ thành lập và được tài trợ nguồn vốn thông qua cung cấp giống, vật tư, phân bón và thiết bị sản xuất. Một số THT là các chi hội đánh bắt còn xác nhận tư cách thành viên để thành viên tín chấp vay vốn của nhà nước.

4) *Nâng cao trình độ và kỹ năng sản xuất cho các thành viên THT.* Vai trò này chủ yếu gồm hỗ trợ tham dự các hội thảo đầu bờ, tham quan học tập kinh nghiệm, hoặc có các chuyên gia tư vấn và hướng dẫn kỹ thuật tại hộ.

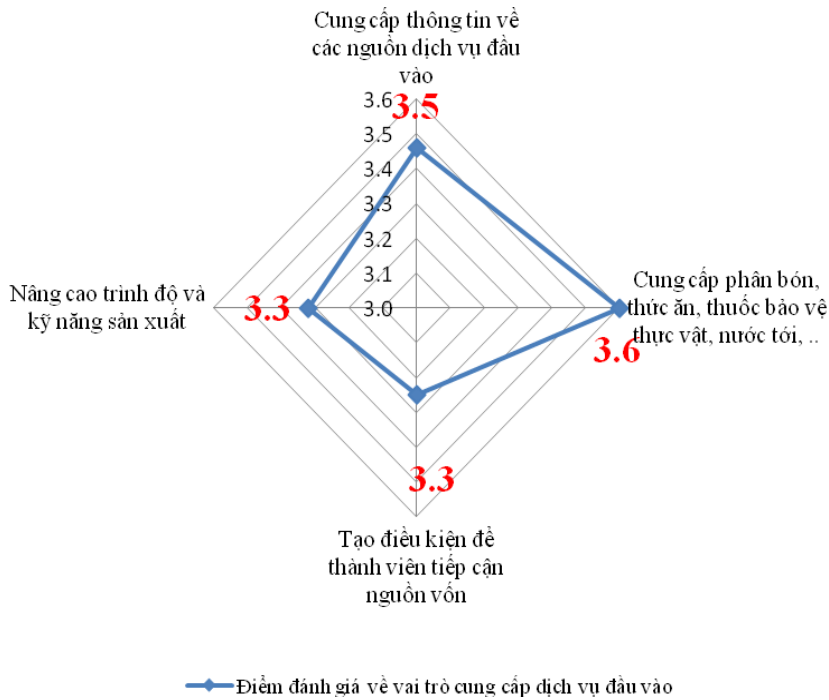
Vai trò “tạo điều kiện cho các thành viên tiếp cận nguồn vốn” và “nâng cao trình độ các thành viên tiếp cận nguồn vốn” được hầu hết các THT thực hiện, với tỷ lệ lần lượt là 75% và 70%. Vai trò nổi bật của các loại hình THT tại địa bàn nghiên cứu là giúp các thành viên THT tiếp cận nguồn vốn phục vụ sản xuất.



Biểu đồ 2. Vai trò cung cấp đầu vào của THT

Nguồn: Khảo sát năm 2018

Mức độ hiệu quả của vai trò cung cấp dịch vụ đầu vào của các THT được các thành viên đánh giá với thang điểm được xếp theo thứ tự từ 1–5; tương ứng: 1 = kém; 2 = tạm; 3 = trung bình, 4 = khá; 5 = tốt. Hầu hết các vai trò được các thành viên đánh giá ở mức hiệu quả trung bình khá và khá (Biểu đồ 3). Theo quan điểm của các thành viên THT thì vai trò “cung cấp phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật và nước tưới” và vai trò “cung cấp thông tin về các nguồn dịch vụ đầu vào” được đánh giá ở mức khá (với mức điểm trung bình lớn hơn hoặc bằng 3,5). Một số vai trò cung cấp dịch vụ đầu vào của các THT dường như đáp ứng được mong đợi của các thành viên THT tại địa bàn nghiên cứu.



Biểu đồ 3. Hiệu quả cung cấp đầu vào của THT

Nguồn: Khảo sát năm 2018

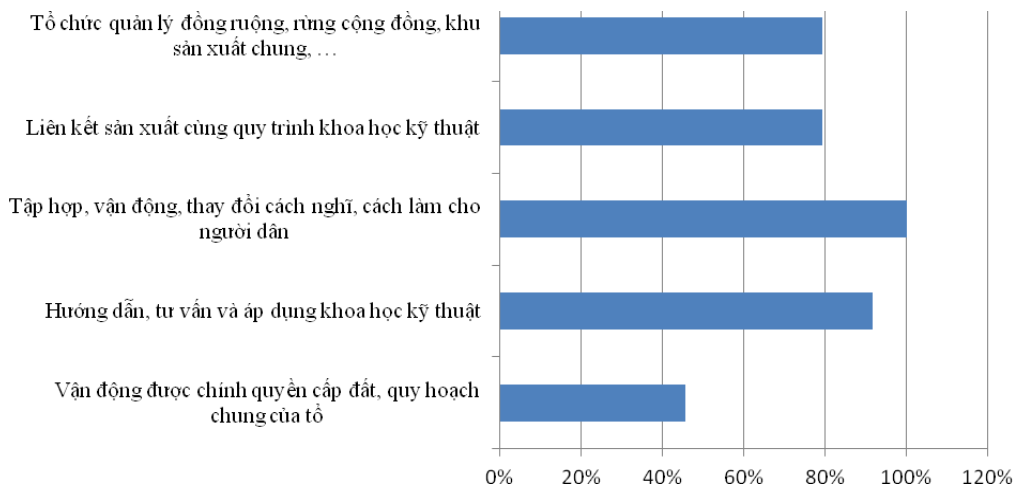
Tổ chức và liên kết sản xuất của THT

Biểu đồ 4 mô tả vai trò tổ chức và liên kết sản xuất của THT. Có năm vai trò tổ chức và liên kết sản xuất như sau:

- 1) *Vận động chính quyền cấp đất và quy hoạch chung của tổ*: Hoạt động chủ yếu được thực hiện ở các THT về lâm nghiệp và đánh bắt thủy sản. Các THT vận động để các cơ quan chức năng và địa phương giao quyền quản lý, bảo vệ rừng, và cấp quyền khai thác mặt nước.
- 2) *Hướng dẫn, tư vấn và áp dụng khoa học kỹ thuật*: Thành viên các THT được các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật cấp xã và huyện trực tiếp tư vấn và hướng dẫn tại các hộ trong việc áp dụng các kỹ thuật từ các chuyên gia thông qua các dự án; các thành viên cũng được lãnh đạo THT theo dõi, giám sát, tư vấn và hỗ trợ trong việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất.
- 3) *Tập hợp, vận động, thay đổi cách nghĩ, cách làm cho người dân*: Tổ hợp tác vận động tất cả thành viên thay đổi cách thức sản xuất nhỏ lẻ, manh mún sang sản xuất hàng hóa, hướng đến thị trường và đáp ứng nhu cầu của thị trường.

4) *Liên kết sản xuất với cùng một quy trình khoa học kỹ thuật*: Tổ hợp tác được các chương trình, dự án chuyển giao một quy trình kỹ thuật chung để phát triển sản xuất hoặc xây dựng mô hình liên kết sản xuất. Các thành viên THT phải tuân thủ theo hướng dẫn và áp dụng đúng quy trình kỹ thuật chung đã được hướng dẫn vào sản xuất. Việc liên kết tổ chức sản xuất theo cùng một quy trình kỹ thuật giúp cho sản phẩm của thành viên đồng đều hơn về mẫu mã, và chất lượng sản phẩm cũng được nâng cao, nên giá trị sản phẩm cũng cao hơn.

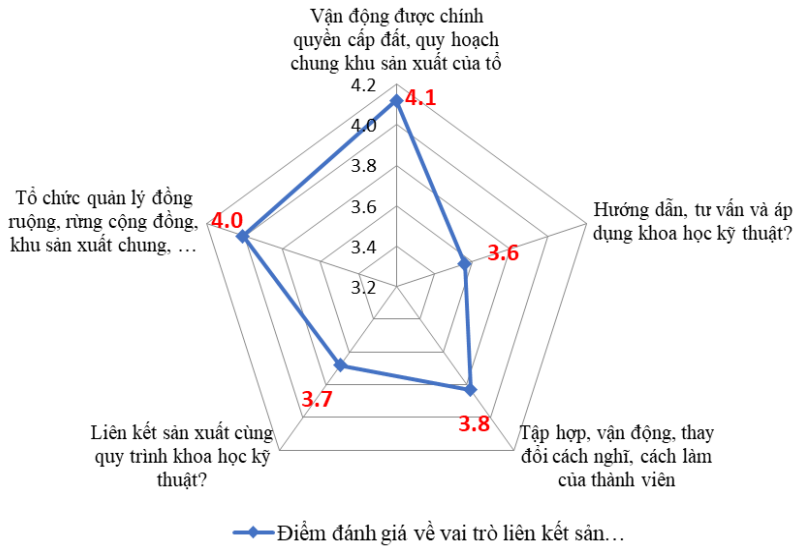
5) *Tổ chức quản lý đồng ruộng, rừng cộng đồng, khu sản xuất chung*: Các THT đã phân công lịch kiểm tra, tuần tra đồng ruộng, rừng luân phiên cho từng thành viên. Các THT lâm nghiệp thường phân thành các nhóm 3–5 người luân phiên tuần tra bảo vệ rừng. Tổ hợp tác đánh bắt thủy sản cử các tổ, nhóm thường xuyên tuần tra quản lý ngư trường, giám sát và phát hiện những hành vi quy phạm qui định đánh bắt, khai thác hủy duyệt để kịp thời ngăn chặn nhằm bảo vệ và phục hồi nguồn lợi thủy sản của cộng đồng.



Biểu đồ 4. Vai trò tổ chức và liên kết sản xuất của THT

Nguồn: Khảo sát năm 2018

Vai trò tổ chức và liên kết sản xuất của THT được các thành viên đánh giá mức độ hiệu quả theo thang điểm 1–5 tương tự như vai trò cung cấp dịch vụ đầu vào. Nhìn chung, tất cả các vai trò tổ chức và liên kết sản xuất đều được thành viên đánh giá ở mức trung bình khá trở lên (từ 3,6 điểm trở lên) (Biểu đồ 5). Hai hoạt động về vận động được chính quyền cấp đất, quy hoạch chung của tổ và tổ chức quản lý đồng ruộng, rừng cộng đồng, khu sản xuất chung được các thành viên đánh giá ở mức độ khá (cao nhất lần lượt là 4,1 và 4 điểm). Kết quả này cho thấy các loại hình THT tại địa bàn nghiên cứu đang thể hiện khá tốt vai trò của mình trong việc giúp thành viên THT kết nối các hoạt động sản xuất của họ.



Biểu đồ 5. Hiệu quả tổ chức và liên kết sản xuất của THT

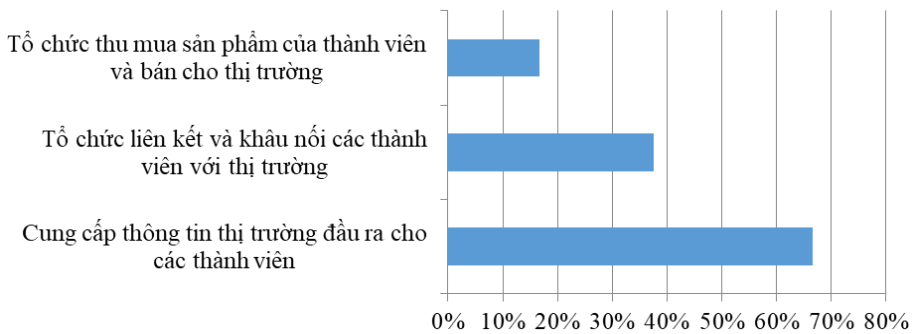
Nguồn: Khảo sát năm 2018

Vai trò cung cấp dịch vụ đầu ra

Biểu đồ 6 mô tả các vai trò cung cấp dịch vụ đầu ra của THT. Nhìn chung, các THT hiện nay đang thực hiện ba vai trò cung cấp dịch vụ đầu ra chính gồm:

- 1) *Cung cấp thông tin thị trường đầu ra của nông sản phẩm cho các thành viên.* Các THT đã giúp thành viên của mình quảng bá nông sản phẩm.
- 2) *Tổ chức kết nối các thành viên với thị trường.* Tổ hợp tác đã liên kết được với một số doanh nghiệp tại địa phương để hỗ trợ tiêu thụ nông sản phẩm cho các thành viên.
- 3) *Tổ chức thu mua sản phẩm của thành viên và bán cho thị trường.* Một số THT đã giúp thu gom và bán nông sản phẩm của các thành viên ra thị trường.

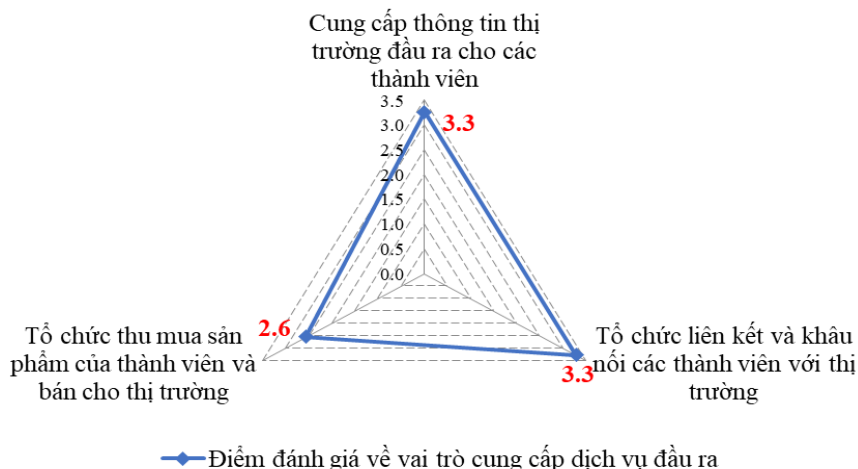
Nghiên cứu cho thấy vai trò cung cấp thông tin thị trường đầu ra cho các thành viên và tổ chức kết nối các thành viên với thị trường chiếm vai trò lớn nhất, tương ứng với 68 và 38%. Ngược lại, vai trò tổ chức thu mua nông sản phẩm của các thành viên chỉ chiếm khoảng 17%.



Biểu đồ 6. Vai trò cung cấp dịch vụ đầu ra của THT

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2018

Vai trò cung cấp dịch vụ đầu ra của THT được các thành viên đánh giá mức độ hiệu quả với thang điểm được xếp theo thứ tự 1–5; tương ứng: 1 = kém; 2 = tạm; 3 = trung bình, 4 = khá; 5 = tốt. Vai trò cung cấp thông tin thị trường đầu ra và hoạt động tổ chức liên kết thành viên với thị trường được các thành viên đánh giá ở mức điểm trung bình là 3,3. Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy các THT còn hạn chế về năng lực để thực hiện các hoạt động giải quyết đầu ra. Họ chưa có đủ thông tin, kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm để hỗ trợ cho các thành viên. Ngoài ra, sản phẩm của các thành viên trong THT vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ. Điều này cũng chính là tình trạng chung và là điểm yếu nhất của các THT hiện nay. Kết quả nghiên cứu này cho thấy THT tại địa bàn nghiên cứu đang tồn tại khó khăn trong việc hỗ trợ thành viên THT cải thiện khả năng tiếp cận đầu ra cho các nông sản phẩm.



Biểu đồ 7. Hiệu quả cung cấp dịch vụ đầu ra của THT

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2018

4 Thảo luận

Có thể cho thấy các loại hình THT tại địa bàn nghiên cứu đang có xu hướng phát triển và ngày càng tăng do nhu cầu thực tiễn. Có nhiều loại hình THT đang hoạt động và loại hình THT trồng trọt là phổ biến nhất. Đây là một đặc trưng của hệ thống sản xuất và thị trường tại địa bàn nghiên cứu. Tồn tại nhiều loại hình THT và chúng đang hoạt động với quy mô và số lượng thành viên rất khác nhau. Điều này phản ánh một thực tế là điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội tại các vùng khác nhau có thể ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển và quy mô của các loại hình THT. Phần lớn thành viên tham gia THT đều có trình độ học vấn cấp 2. Tài sản của các THT cũng rất đa dạng và rất khác nhau. Mặc dù chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá thực trạng phát triển THT, nhưng cũng có sự tương đồng của kết quả nghiên cứu này với những quan điểm về kinh tế hợp tác được đề cập trong các tài liệu về kinh tế hợp tác trước đây [2, 12].

Tổ hợp tác có ba vai trò chính gồm: (1) cung cấp dịch vụ đầu vào; (2) tổ chức và liên kết sản xuất; (3) cung cấp dịch vụ đầu ra. Đây là các vai trò rất quan trọng đối với phát triển nông nghiệp và nông thôn, đặc biệt đối với chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Bởi vì để thúc đẩy sản xuất và nâng cao thu nhập cho người sản xuất, cần phải cung cấp kiến thức, kỹ năng và thông tin cần thiết cho họ. Các hoạt động trên tạo ra các điều kiện để người sản xuất, đặc biệt là các thành viên của THT tiếp nhận thông tin thị trường, đồng thời có thêm kiến thức và kỹ năng cần thiết để có quyết định phù hợp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản phẩm của họ. Kết quả của nghiên cứu này củng cố thêm các luận điểm được đề cập trước đây [13-15] về tầm quan trọng cũng như các thách thức của liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản phẩm. Tuy nhiên, vai trò liên kết sản xuất của tất cả các loại hình THT tại địa bàn nghiên cứu chỉ được đánh giá mức trung bình. Điều này phản ánh một thực tế là hoạt động liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản phẩm còn gặp rất nhiều khó khăn và các THT chỉ có thể đáp ứng được một phần so với mong đợi của các thành viên THT. Tổ hợp tác đã cung cấp dịch vụ đầu ra gồm: (1) cung cấp thông tin thị trường đầu ra cho các thành viên; (2) tổ chức kết nối các thành viên với thị trường; (3) tổ chức thu mua sản phẩm của thành viên và bán cho thị trường. Các hoạt động này đóng vai trò vô cùng quan trọng và ảnh hưởng rất lớn đến quá trình xây dựng nông thôn mới.

5 Kết luận

Dựa trên kết quả nghiên cứu, chúng tôi đưa ra một số kết luận chính về thực trạng và vai trò của THT như sau. Thứ nhất, tổ hợp tác đang ngày càng được khuyến khích phát triển tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Có nhiều loại hình THT khác nhau đang hoạt động với quy mô và số lượng thành viên rất khác nhau. Tuy nhiên, THT trồng trọt là loại hình phổ biến nhất tại địa bàn nghiên cứu. Trình độ học vấn của các thành viên THT chủ yếu là cấp 2. Tài sản của các THT cũng rất đa dạng và rất khác nhau giữa các loại hình THT. Điều này cho thấy tính đa dạng và đặc thù của các loại hình THT tại địa bàn nghiên cứu. Nhìn chung, THT đang trong giai đoạn đầu của sự

phát triển và cũng đang gặp nhiều thách thức trong việc hỗ trợ thành viên THT cải thiện hoạt động sản xuất và thị trường.

Thứ hai, tổ hợp tác có ba vai trò chính gồm: (1) cung cấp dịch vụ đầu vào; (2) tổ chức và liên kết sản xuất; (3) cung cấp dịch vụ đầu ra. Đây là các hoạt động rất quan trọng đối với phát triển nông nghiệp và nông thôn, đặc biệt đối với chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Hiện tại, vai trò liên kết sản xuất của tất cả các loại hình THT tại địa bàn nghiên cứu chỉ được đánh giá ở mức trung bình. Một cách khái quát, tổ hợp tác tại địa bàn nghiên cứu chưa thể hiện tốt vai trò của mình trong việc giúp thành viên THT kết nối giữa sản xuất và thị trường nông sản phẩm một cách hiệu quả.

Cuối cùng, cần phải được chú trọng và hỗ trợ để THT phát triển mạnh hơn. Cần phải có các hỗ trợ đặc thù cho từng loại hình THT. Cải thiện đồng thời năng lực cho thành viên THT cũng như tổ trưởng các THT là rất quan trọng để giúp các THT phát huy tốt vai trò của mình. Nghiên cứu về đánh giá vai trò của THT trong xây dựng nông thôn mới cần được nghiên cứu mở rộng sang các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội và hệ thống sản xuất thị trường khác nhau. Kết quả của các nghiên cứu này sẽ là cơ sở khoa học ban đầu cho các nhà làm chính sách đưa ra các chính sách phù hợp hỗ trợ và tăng cường vai trò của THT đối với chương trình xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Chi Cục Phát Triển Nông Thôn (2017), Báo cáo tình hình hoạt động của tổ hợp tác tại Thừa Thiên Huế năm 2017, Tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Dương Ngọc Thành, Nguyễn Công Toàn và Hà Thị Thu Hà (2018), Đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động hợp tác xã nông nghiệp tại tỉnh An Giang, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 130 (6), 212–219.
3. Schöll, K., Markemann, A., Megersa, B., Birner, R., & Zárate, A. V. (2016), Impact of projects initiating group marketing of smallholder farmers— A case study of pig producer marketing groups in Vietnam, *Journal of Co-operative Organization and Management*, 4(1), 31–41.
4. Đào Thế Tuấn (2007), Hợp tác xã: vấn đề cũ, cách nhìn mới, *Tạp Chí Cộng Sản*, 21(141), 1–6.
5. Ngân Hàng Thế Giới (2016), Báo cáo Phát triển Việt Nam 2016, Chuyển đổi Nông nghiệp Việt Nam: Tăng giá trị, giảm đầu vào.
6. Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn (2017), Tái cơ cấu ngành nông nghiệp: Tham vấn kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2016–2020.
7. Chính Phủ Việt Nam (2016), Quyết định về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016–2020.
8. Trần Thanh Dũng và Nguyễn Ngọc Đệ (2016), Sinh kế của thanh niên trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Kiên Giang, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 44(2), 106–113.

9. Creswell, J.W. (2014), *Research design: qualitative, quantitative, and mixed methods approaches*, Thousand Oaks: SAGE Publications.
10. De Vaus, D. (2014), *Surveys in social research*, Australia: Allen & Unwin Academic Publisher.
11. Miles, M.B. and A.M. Huberman (1994), *Qualitative data analysis*, Thousand Oaks, USA: SAGE Publications.
12. The Asia Foundation and SOCENCOOP (2012), *Agricultural Cooperatives Manual*, Hanoi, Vietnam: LUCK HOUSE GRAPHICS LTD.
13. Trần Văn Hiếu (2004), Thực trạng và giải pháp cho sự liên kết “bốn nhà” trong sản xuất và tiêu thụ nông sản ở Đồng bằng sông Cửu Long, *Tạp chí khoa học–Đại học Cần Thơ*, 124(3), 183–188.
14. Trần Quốc Nhân và Takeuchi, I. (2012), Phân tích nguyên nhân dẫn đến việc thực thi hợp đồng tiêu thụ nông sản kém giữa nông dân và doanh nghiệp ở Việt Nam, *Tạp chí khoa học và phát triển*, 122(4), 1069–1077.
15. Ortmann, G.F. and King, R.P. (2007), Agricultural cooperatives II: Can they facilitate access of small-scale farmers in South Africa to input and product markets? *Agrekon*, 46(2), 219–244.

CONDITION AND ROLE OF AGRICULTURAL COOPERATIVE GROUPS IN NEW RURAL DEVELOPMENT IN THUA THIEN HUE PROVINCE

Truong Quang Hoang^{1,2*}, Hoang Gia Hung¹, Vo Chi Tien²

¹University of Agriculture and Forestry, Hue University, 102 Phung Hung St., Hue, Vietnam

²Center for Rural Development in Central Vietnam, 102 Phung Hung St., Hue, Vietnam

Abstract: Cooperative groups – organizations belonging to a type of collective economics – have been encouraged to develop in developing countries. In Vietnam, cooperative groups were established in the 1960s and played certain roles in agricultural production. Moreover, effective cooperative groups are considered as one of the new rural development criteria. However, few empirical studies have assessed the role of agricultural cooperative groups in Vietnam. This research investigates the situation and role of agricultural cooperative groups in the context of new rural development in Thua Thien Hue province of Vietnam. Data were collected by using a structured questionnaire, supplemented with semi-structured interviews, and relevant documents. Descriptive analysis and qualitative data analysis techniques were used to analyse the data. The results reveal that five main types of agricultural cooperative groups are operating in the study region, namely (1) crop cooperative groups, (2) livestock cooperative groups, (3) food processing/service cooperative groups, (4) fishing/aquaculture cooperative groups, and (5) forestry cooperative groups. The key roles of the agricultural cooperative groups are (1) input provision services, (2) production organisation and linkage, and (3) output provision services. These roles are important for agricultural development, especially in the context of new rural development.

Keywords: agricultural cooperative groups, roles, new rural development, Thua Thien Hue